TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 27 - 01 - 2021.
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sơn Thị Vành Đa;

Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều T; Cư trú: Số 1, ấp Tân P, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu T; Cư trú: Số 1, ấp Tân P, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị B; Cư trú: Đường Hùng V, ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt);

2. Ông Bùi Hoàng E; Cư trú: Số 1, ấp Tân P, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kiều T làm chủ hụi, còn vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Hoàng E là hụi viên, ông E và bà T tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 01 (hụi 01 tháng), dây hụi có 32 phần, bà T tham gia 01 phần 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 15 tháng 10 năm 2018 (âm lịch). Bà T đóng hụi đến lần thứ 02, lần thứ 03 bà T hốt hụi, bà T giao 31 phần hụi số tiền là 41.360.000 đồng. Việc giao nhận tiền hụi có làm biên nhận và vợ chồng bà T, ông E nhận tiền và ký tên. Sau đó bà T tiếp tục đóng hụi chết đến lần thứ 08 là ngày 15 tháng 5 năm 2019 thì bà T dừng đóng hụi chết đến nay. Hiện tại, hụi đã khui đến lần thứ 25 là ngày 15 tháng 9 năm 2020 (âm lịch). Nếu tính đến thời điểm hiện tại thì bà T còn nợ bà T 17 lần hụi chết (17 lần x 2.000.000 đồng/lần) = 34.000.000 đồng. Dây hụi này còn 06 lần sẽ mãn vào ngày 15 tháng 3 năm 2021 (âm lịch).

- Dây hụi thứ 02 (hụi 01 tháng): Dây hụi có 21 phần, bà T tham gia 01 phần 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 22 tháng 5 năm 2019 (âm lịch). Bà T hốt hụi lần đầu tiên số tiền là 73.500.000 đồng. Việc giao nhận tiền hụi có làm biên nhận và vợ chồng bà T, ông R ký nhận. Sau khi hốt hụi thì bà T không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này bà T còn nợ bà T 17 lần hụi chết (17 lần x 5.000.000 đồng/lần) = 85.000.000 đồng. Dây hụi này còn 03 lần nữa và sẽ mãn vào ngày 22/12/2021 (âm lịch).

Bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Hoàng E phải trả cho bà Tr số tiền hụi còn nợ là: (34.000.000 đồng + 85.000.000 đồng) = 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng).

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Hoàng E phải trả cho bà T thêm số tiền hụi chết tính từ khi khởi kiện đến khi mãn hai dây hụi: Hụi 2.000.000 đồng tính từ 15/10/2020 (âm lịch) đến ngày mãn hụi là ngày 15/3/2021 (âm lịch) còn 06 lần x 2.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng và Hụi 5.000.000 đồng tính từ 22/10/2020 (âm lịch) đến ngày mãn hụi là ngày 22/12/2021 (âm lịch) còn 03 lần x 5.000.000 đồng/lần = 15.000.000 đồng. Tổng cộng 27.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền hụi còn nợ là 98.000.000 đồng theo biên bản hòa giải ngày 28/8/2020 của ấp Tân P, còn yêu cầu buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Hoàng E phải trả cho bà T thêm số tiền hụi chết tính từ khi khởi kiện đến khi mãn hai dây hụi, thì bà T xin rút lại yêu cầu này, do 02 dây hụi hiện nay chưa mãn hụi, khi mãn hụi thì bà T sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Hoàng E trình bày:

Ông Hoàng R không trực tiếp tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Kiều T làm chủ hụi, nhưng ông Hoàng E biết bà Nguyễn Thị Thu T (vợ ông Hoàng E) có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Kiều T làm chủ hụi, việc bà T đến nhà ông Hoàng E thu tiền hụi thì ông Hoàng E có chứng kiến.

Ông Bùi Hoàng E thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các loại Giấy giao - nhận hụi ngày 22/12/2018 âm lịch; Giấy giao - nhận hụi ngày 22/5/2019 âm lịch; Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ dân sự khi tham gia giao dịch "hụi hưởng hoa hồng" số T01 – 32017, ngày 15/10/2018 và ngày 22/5/2019 đều là chữ ký, chữ viết họ và tên của ông Hoàng E. Ông Hoàng E thừa nhận nguồn tiền mà bà T dùng để đóng tiền

hụi cho bà T là tiền thu nhập chung của ông Hoàng E và bà T, bà T vẫn chăm lo cho gia đình, không tiêu xài cá nhân. Ông Hoàng E không đồng ý trả số tiền hụi mà bà T yêu cầu, vì đó là giao dịch giữa bà T và bà T.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ hụi, nhưng hiện nay 02 dây hụi chưa mãn hụi, tính đến ngày hòa giải ở ấp ngày 28/8/2020 bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 98.000.000 đồng, bà T đồng ý tự trả không yêu cầu ông Hoàng E liên đới cùng trả và xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, vì hiện nay bà T không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và các bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 98.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cùng cư trú số 173, ấp Tân P, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền nợ hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi là 119.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi theo biên bản hòa giải ngày 28/8/2020 của ấp Tân P số tiền là 98.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[4] Bị đơn ông Bùi Hoàng E thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các loại Giấy giao - nhận hụi ngày 22/12/2018 âm lịch; ngày 22/5/2019 âm lịch; Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ dân sự khi tham gia giao dịch "hụi hưởng hoa hồng" số T01 – 32017, ngày 15/10/2018 và ngày 22/5/2019 đều là chữ ký, chữ viết của ông Hoàng E, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải của ấp Tân P, bị đơn bà T thừa nhận có tham gia hụi của bà T, nhưng 02 dây hụi hiện nay chưa mãn hụi, bị đơn bà T có nợ tiền hụi của nguyên đơn bà T đến ngày 28/8/2020 (ngày ấp Tân P hòa giải) số tiền là 98.000.000 đồng. Tại Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì *"Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ..."*. Căn cứ quy định này thì các bị đơn phải có nghĩa vụ đóng hụi hốt rồi (hụi chết) cho nguyên đơn.

[6] Đối với bị đơn ông Bùi Hoàng E tuy bị đơn không trực tiếp tham gia hụi với nguyên đơn, nhưng sự việc bà T tham gia hụi của bà T, thì ông Hoàng E biết và có ký tên vào các Giấy giao - nhận hụi; Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ dân sự khi tham gia giao dịch "hụi hưởng hoa hồng". Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T trình bày, bà T đồng ý tự trả, không yêu cầu bị đơn ông Hoàng E liên đới cùng trả. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện…"* bà T và ông Hoàng E là vợ chồng, ông Hoàng E biết nhưng ông Hoàng E không phản đối và ông Hoàng E cũng thừa nhận và ký nhận số tiền hụi của bà T. Hơn nữa số tiền hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà T dùng số tiền để phục vụ chi phí sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng phải có trách nhiệm. Do đó bà T yêu cầu bà T và ông Hoàng E có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi là có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ, hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn, do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Các bị đơn liên đới phải chịu án phí là 4.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

- Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Bùi Hoàng E có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền hụi là 98.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.650.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006196 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Các bị đơn có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh